



dì xiong
弟兄

noun · brothers

Example Sentence

tā men dì xiong sān rén yī qǐ jīng yíng zhè jiā diàn
他们弟兄三人一起经营这家店。

The three brothers run this shop together.

Trace each character, then write the word on your own.

弟	弟	弟	弟	弟	弟	弟	弟	弟	弟	
兄	兄	兄	兄	兄	兄	兄	兄			